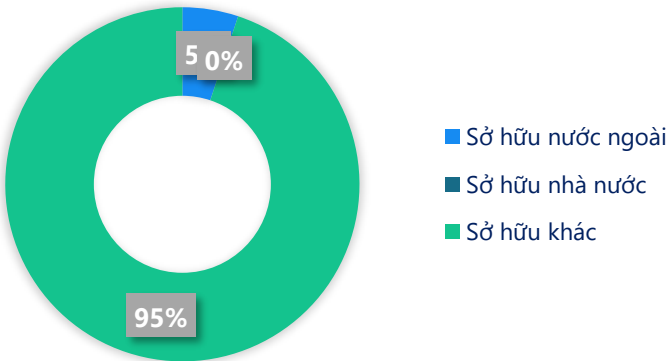


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,850
SL cổ phiếu LH		1,875,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,332,490
% sở hữu nước ngoài		5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		55,875
P/E		15.7
EPS		1,904

	YTD	1T	3T	6T
VPX		0.0%	6.8%	6.4%
VNINDEX		0.0%	1.7%	0.7%

Cơ cấu sở hữu



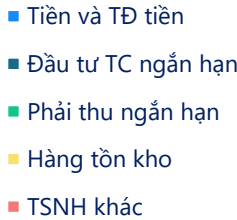
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

Q4/25
Q3/25
Q2/25
Q1/25
Q4/24



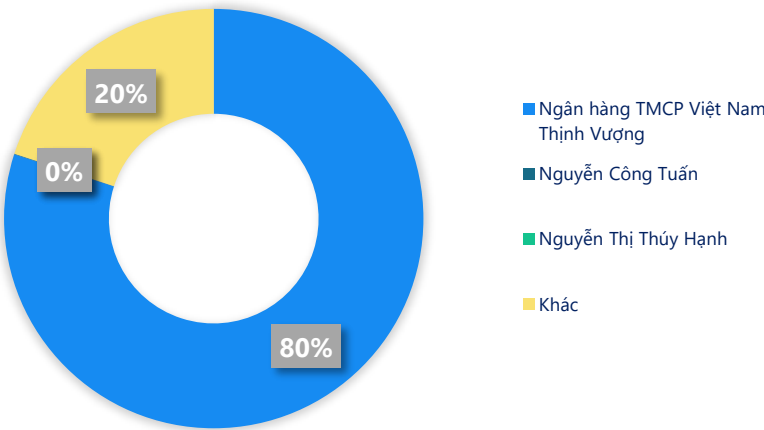
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

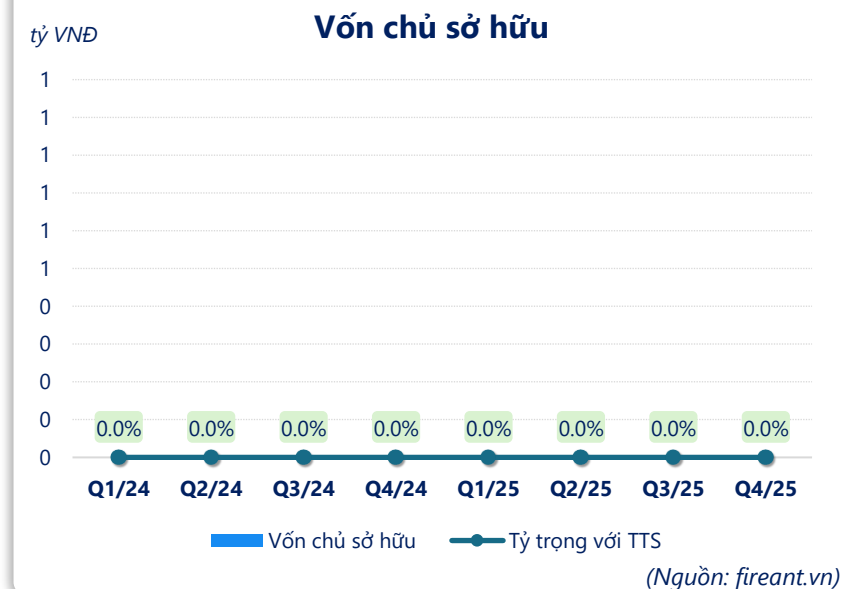
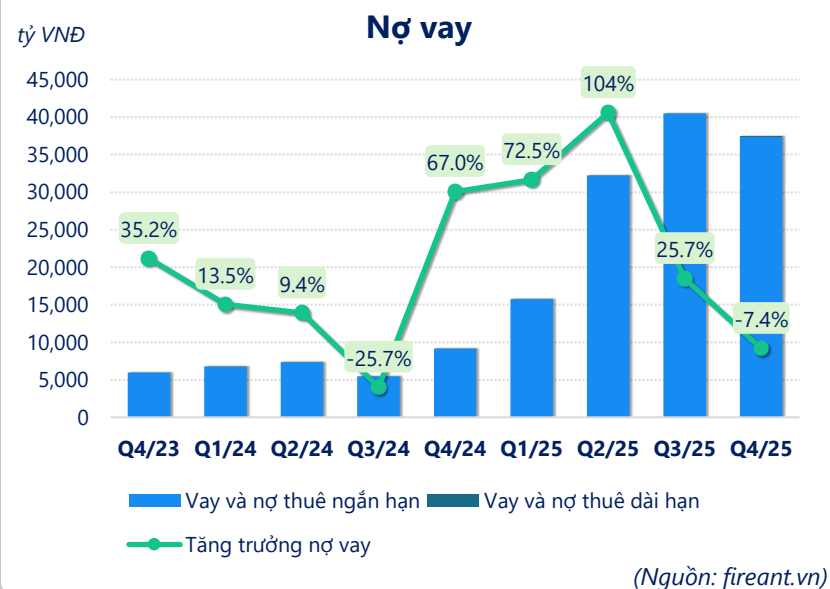
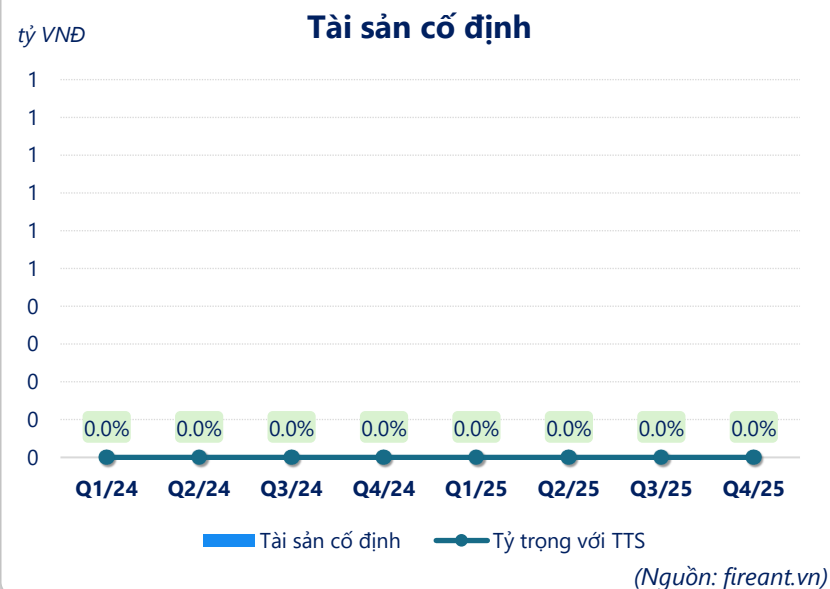
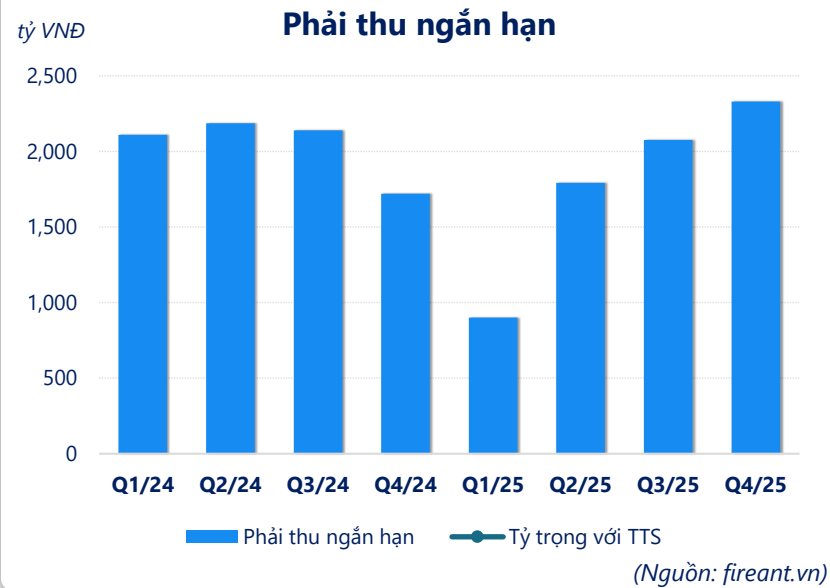
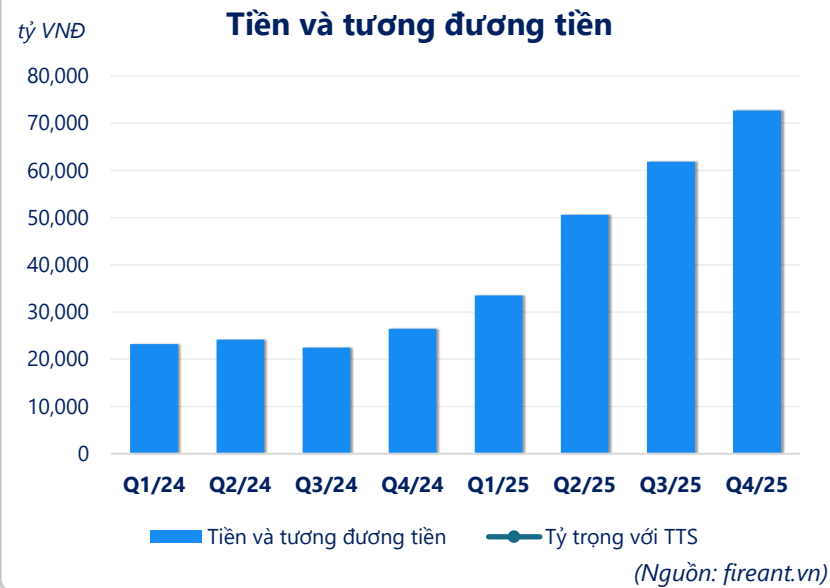
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

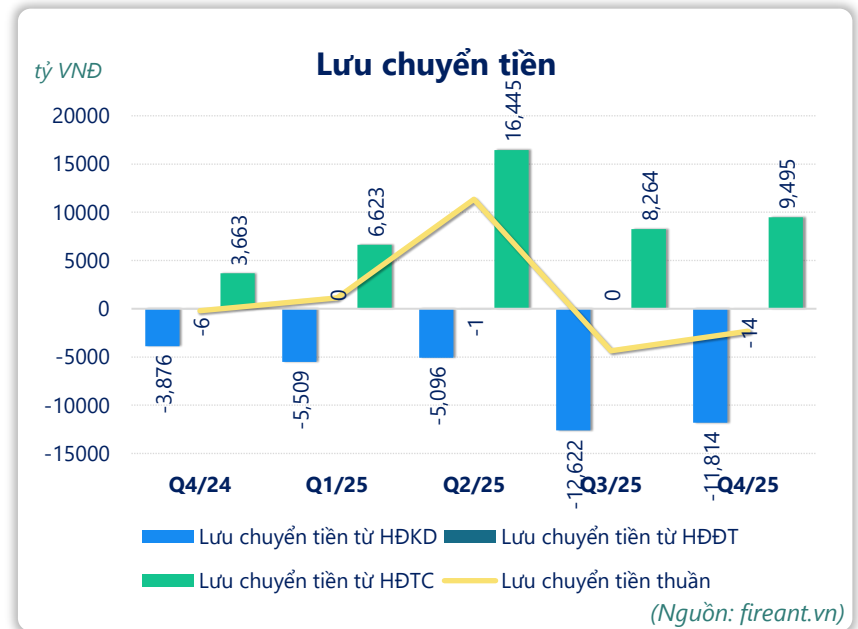
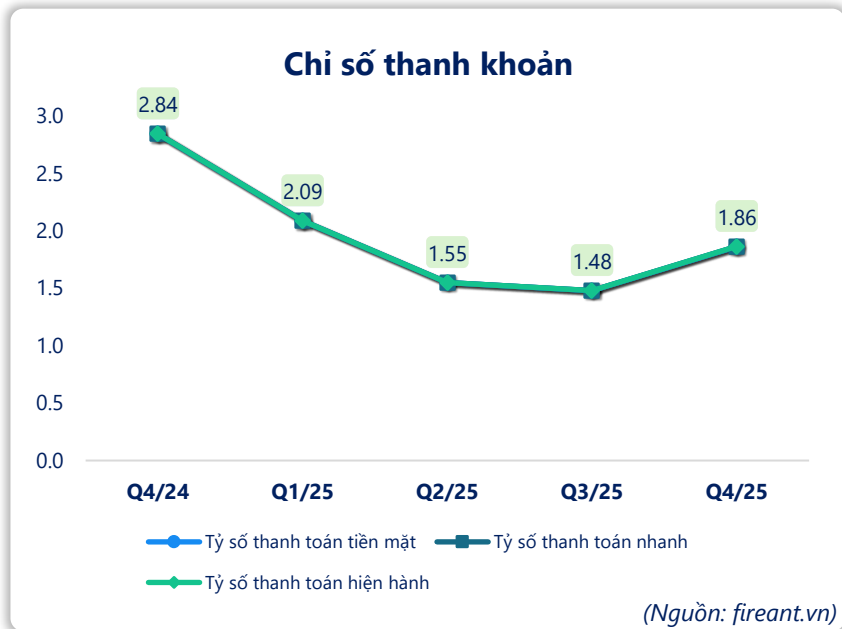
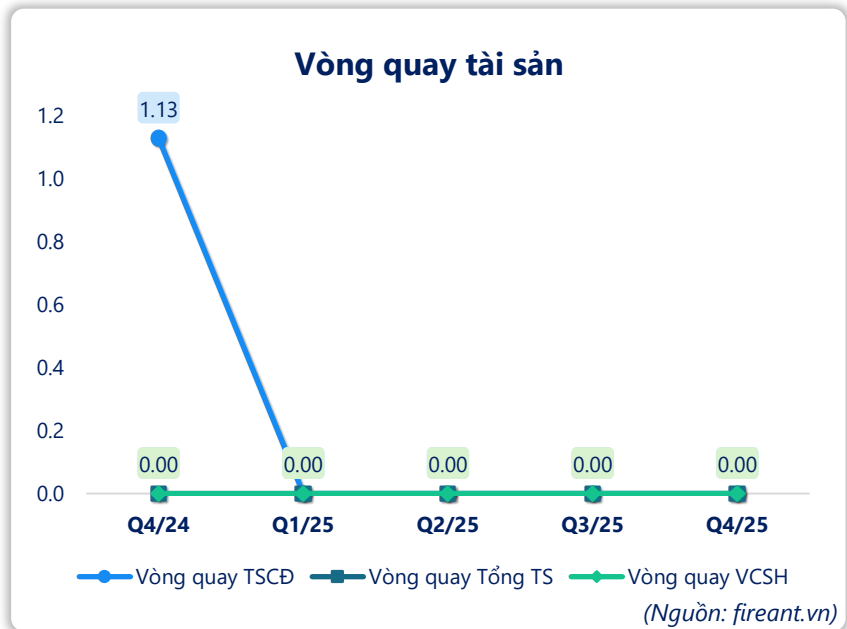
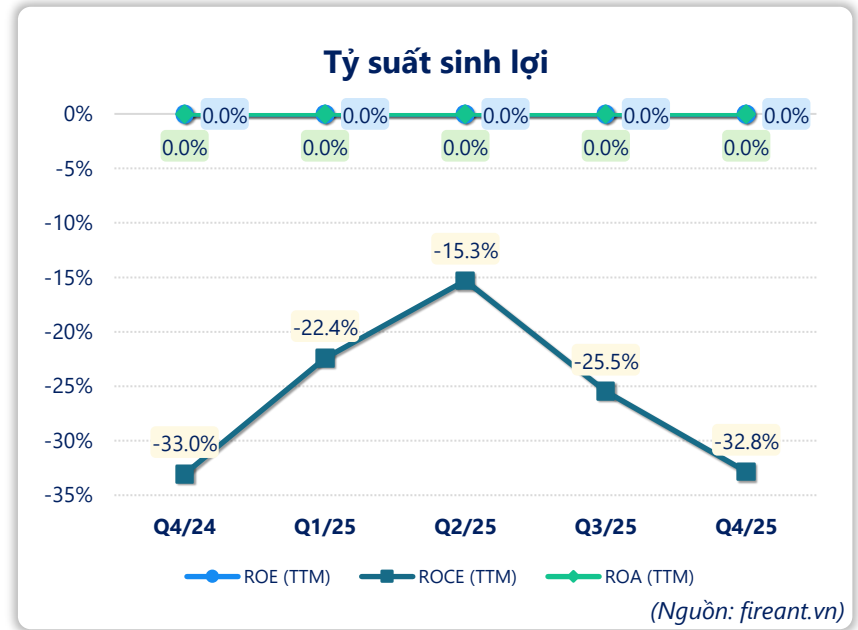
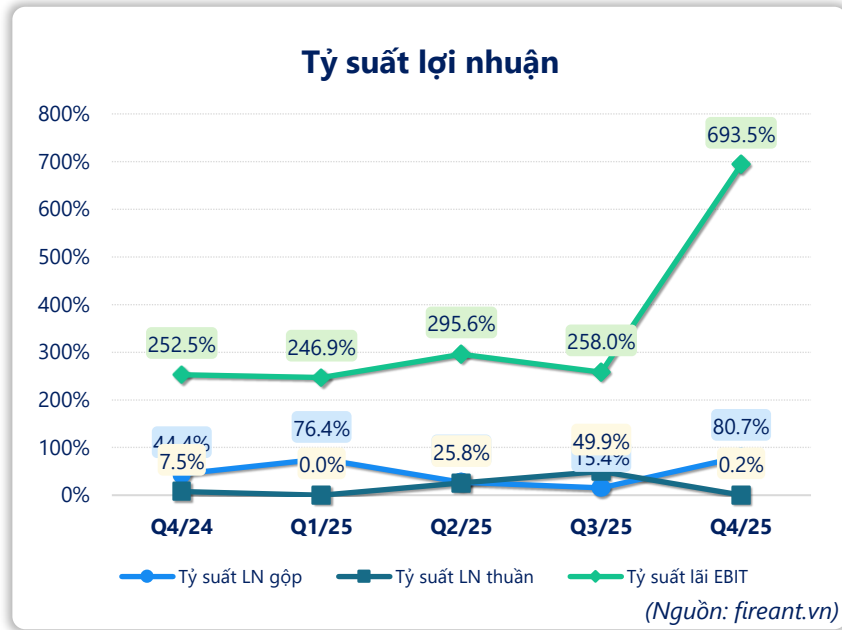
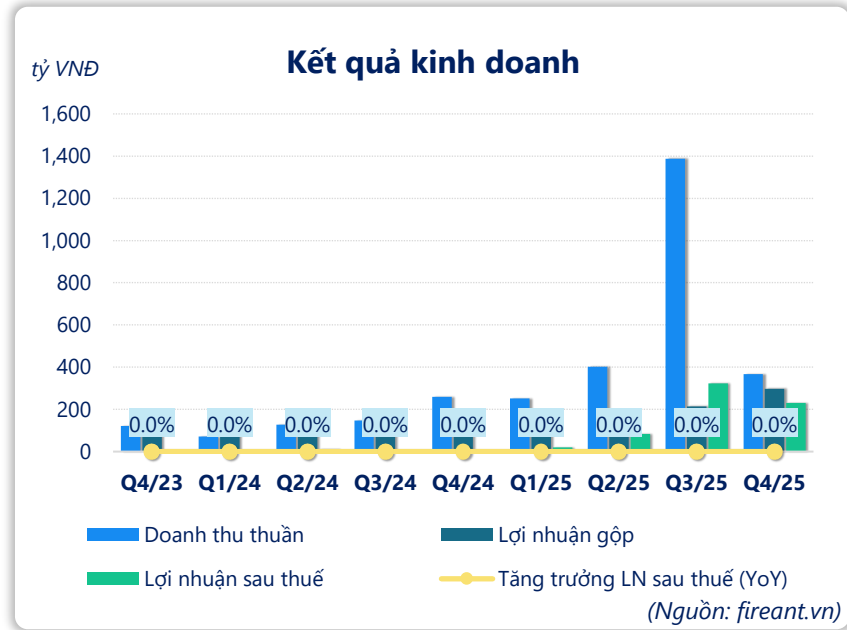
0.00%



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	72,714	26,459	175%
Tiền và tương đương tiền	72,667	26,452	175%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,000	0	
Phải thu ngắn hạn	2,330	1,720	35.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	28.7	3.48	725%
Phải thu dài hạn	14.2	0.14	10019%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.5	19.2	1.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.3	0	
Lợi thế thương mại	15.0	15.0	0.2%
Nợ phải trả	39,186	9,310	321%
Nợ ngắn hạn	39,041	9,310	319%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37,342	9,135	309%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	145	0.05	273452%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	259	251	402	1,387	368
Giá vốn hàng bán	2.34	16.8	85.8	340	825
Lợi nhuận gộp	115	192	110	214	297
Doanh thu HĐTC	0	0	0.30	0.37	0.37
Chi phí TC	226	262	384	567	696
Chi phí lãi vay	-13.9	-83.3	6.28	7.88	95.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	49.2	51.3	73.1	185	151
Chi phí QLDN	0	0	0	154	0
LN thuần từ HĐKD	19.3	0	104	693	0.64
Lợi nhuận khác	1.04	0.63	3.03	3.23	5.90
LN trước thuế	669	704	1,181	3,572	2,455
Lợi nhuận sau thuế	1.78	19.3	83.9	323	231
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3,876	-5,509	-5,096	-12,622	-11,814
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.19	0	-1.32	0	-14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,663	6,623	16,445	8,264	9,495
Tiền đầu kỳ	2,532	2,313	3,426	14,773	10,416
Lưu chuyển tiền thuần	-219	1,113	11,347	-4,358	-2,334
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2,313	3,426	14,773	10,416	8,082

(Nguồn: fireant.vn)